

Bà Từ Dũ

(Bách khoa toàn thư mở Wikipedia)

Bà Từ Dũ



Hoàng Thái Hậu Từ Dũ (1816-1902)
Thần Mẫu Cửa Vạn Tự Đức

Hoàng thái hậu Việt Nam

- Chồng: Thiệu Trị
- Tên đầy đủ: Phạm Thị Hằng
- Hoàng tộc: Nhà Nguyễn
- Thân phụ: Phạm Đăng Hưng
- Sinh: 19 tháng 5 năm Canh Ngọ (1810) tại Gò Công, Tiền Giang, VN
- Mất: 12 tháng 5 năm 1902 tại Huế
- An táng: bên trái Xương Lăng

Thái hậu Từ Dũ tên **Phạm Thị Hằng** (1810-1902), tự **Nguyệt, Thường**^[1] hoặc **Hào**^[2] là vợ vua Thiệu Trị và là mẹ vua Tự Đức, thuộc nhà Nguyễn, Việt Nam.

Bà nổi tiếng là người đức hạnh, biết yêu quý dân và giỏi nuôi dạy con cái.

Tiểu sử

Phạm Thị Hằng, sinh ngày 19 tháng 5 năm Canh Ngọ (1810) tại giồng Sơn Quy (Gò Rùa), làng Gò Công, huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (sau thuộc tỉnh Gò Công, nay thuộc Tiền Giang). Bà là trưởng nữ của Quốc công Phạm Đăng Hưng và bà Phạm Thị Vị.

Ngay từ thưở nhỏ bà đã nổi tiếng thông minh, xinh đẹp, hiếu thuận, ham đọc sách. Năm 14 tuổi, bà được Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (húy Trần Thị Đàng), vợ kế của vua Gia

Long, tuyền triệu vào hầu Hoàng trưởng tử Nguyễn Phúc Miên Tông, con vua Minh Mạng, và là cháu trai của bà.

Năm 15 tuổi, bà sinh con gái đầu lòng là Diên Phúc công chúa. Năm sau, bà lại sinh cô công chúa thứ hai.

Ngày 25 tháng 8 năm Kỷ Sửu, tức 22 tháng 9 năm 1829, bà sinh người con thứ ba là trai, đặt tên là Nguyễn Phúc Thì tức Nguyễn Phúc Hồng Nhậm.

Năm 1841, Miên Tông lên ngôi, tức vua Thiệu Trị, bà trở thành Cung tần, được giữ chức Thượng nghi để coi sóc lục thượng^[3], hai năm sau, được phong Thần phi. Qua đầu năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), bà được phong làm Giai phi, rồi Nhất giai phi.

Năm 1947, vua Thiệu Trị mất, con bà là Hồng Nhậm được chọn nối nghiệp, tức vua Tự Đức.

Lên ngôi vua, Tự Đức nhiều lần ngỏ ý định tấn tôn cho mẹ, nhưng bà nhất định chối từ. Mãi đến ngày 15 tháng 4 năm Tự Đức thứ 2 (1849), nhân dịp khánh thành cung Gia Thọ, bà mới thuận nhận Kim bảo (sách vàng & ấn vàng) và tôn hiệu là *Hoàng Thái hậu*.

Tháng 6 năm Quý Mùi (1883), vua Tự Đức mất, để di chiếu tôn bà làm *Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu*. Nhưng vì việc nước lắm rối ren, mãi đến năm 1885, Hàm Nghi nguyên niên, nhà vua mới có thể làm lễ tấn tôn cho bà theo di chiếu.

Cũng ngay năm đó, sau lễ tấn tôn trên, Kinh thành Huế thất thủ, bà cùng với hai bà vợ vua Tự Đức là Hoàng Thái hậu và Hoàng Thái phi, theo vua Hàm Nghi chạy ra đến Quảng Trị. Sau lời cầu xin của nhà vua, bà và hai người con dâu mới trở lại Huế.

Năm 1887, Đồng Khánh thứ 2, nhà vua tấn tôn mỹ hiệu cho bà là *Từ Dụ Bát huệ Thái hoàng Thái hậu*.

Năm 1889, Thành Thái nguyên niên, nhân dịp mừng bà thọ 80 tuổi, bà được dâng tôn hiệu là *Từ Dụ Bát huệ Khang thọ Thái thái hoàng Thái hậu*.

Bà mất ngày mùng 5 tháng 4 năm Nhâm Dần (tức 12 tháng 5 năm 1902), thọ 92 tuổi, được dâng tên thụy là *Nghi thiên tán thành, Từ Dụ Bát huệ trai túc tuệ đạt thọ đức nhân công Chương hoàng hậu*, gọi tắt là *Từ Dụ Nghi thiên Chương hoàng hậu*.

Ngày 20 tháng 5 cùng năm, triều đình cử hành đại lễ an táng bà gần phía sau bên trái Xương Lăng (lăng vua Thiệu Trị) và có tên là Lăng Xương Thọ. Hiện toàn thể khu lăng này tọa lạc tại chân một dãy núi thấp (núi Thuận Đạo), thuộc làng Cư Chánh, xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên (nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế), cách Kinh thành Huế chừng 8 km.

Lễ xong, bài vị của bà được thờ ở Bửu Đức điện trong Xương Lăng, được thờ ở Thế Miếu trong Hoàng thành Huế.

Tài liệu liên quan

Trích một số đoạn viết về Thái hậu Từ Dũ:

- Ở Gò Công hiện còn lưu truyền mấy câu thơ ca ngợi đức tính tốt đẹp của bà và nhắc việc bà được tiến cung:

*Trời xanh quốc mẫu nét na hiền,
Thuở tuổi mười hai đã tự nhiên.
Giống lệ thủy tượng trưng thánh chúa,
Gò Sơn Qui triệu ứng thiên duyên.^[4]*

Và:

*Lệ thủy trình trường thụ,
Quy khâu trúc phúc cơ.*

Tạm dịch:

*Nước đẹp dâng đầm lành,
Gò Rùa xây nền phúc.*^[5]

- Sách Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, chép:

Đức Từ Dụ thuộc sử sách đã nhiều mà biết việc đời cũng rộng. Khi Đức Từ Dụ ban câu chi hay, thì ngài biên ngay vào một quyển giấy gọi là Từ Huấn Lục.

Một hôm rảnh việc nước, ngài ngự bắn tại rừng Thuận Trục, gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kị đức Hiến Tổ, mà ngài chưa ngự về. Đức Từ Dụ nóng ruột, sai quan đại thần là Nguyễn Tri Phương đi rước. Nguyễn Tri Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước thì chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tới thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời đang mưa, mà ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ Dụ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài lấy một cây roi mây, dâng lên để trên ghế trát kỹ rồi ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ Dụ xoay mặt ra lấy tay hất cái roi mà ban rằng: "Thôi, tha cho! Đi chơi để cho quan quân cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kị".

Ngài lạy tạ lui về, nội đêm đó ngài phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự...^[6]

- GS. Trịnh Văn Thanh, trong *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, cho biết:

Nhân lễ ngũ tuần, vua Tự Đức cùng đình thần dâng sớ khẩn thỉnh tấn tôn mỹ hiệu, bà dụ rằng:

Ta đã được thiên hạ phụng sự, thì nên lo những việc thiên hạ đương lo. Năm nay chưa đặng mùa, nhân dân đều chưa được vui sướng, chính lúc Hoàng đế phải chăm lo, lòng ta nào nở thần nhiên.

Vả lại tánh ta vốn kiệm ước chẳng chuộng phù hoa, không ngờ ngày nay hưởng được tôn vinh, ta thường e sợ, tu tỉnh chẳng rồi, huống chi còn gia thêm cho hư danh để ta còn nặng cái lỗi thất đức hay sao? Vậy thì sớ thỉnh ấy nên bãi đi, chỉ nguyện chur công và quần thần lo giúp chính trị, giáo dục thế nào cho ta được thấy thịnh trị thái bình, thì không chi vui bằng.

Lo lắng đến cuộc sống nhân dân, bà thường hỏi vua Tự Đức về việc đất thất và dạy bảo những điều thiết thực về chính trị. Năm 1874, khi hay tin Pháp xâm chiếm toàn cõi Nam Kỳ và buộc triều đình Huế ký hòa ước nhượng địa, bà bỏ cả ăn uống, mặt ủ mày chau theo vận nước khuyh nguy...^[7]

- Trong bài *Tượng đài sông Hương: Thái hậu Từ Dũ*, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường viết:

Bà là người con gái đất Gò Công, lúc ban đầu vào Huế làm cung nữ hầu vua Thiệu Trị. Nhà vua ngự giá Bắc tuần, nàng theo giúp việc hàn mặc, nổi tiếng thông minh và linh hoạt... Nghe nói bà Từ Dũ còn là người đưa giống cá thát lát từ quê nhà ở Nam Bộ ra gây giống ở thành phố Huế; cá sinh sôi đến ngày nay đầy hồ đầy sông. Ở Huế bà nổi

tiếng là một bà thái hậu rất thương dân. Hằng năm đến lễ mừng thăng cấp, mừng thọ của bà, bà đều tìm cách thoái thác hoặc trì hoãn, thực chất là sợ khổ dân...

Hồi ấy người Pháp cho bắc lại cây cầu Trường Tiền bằng sắt và bắt dân phải nộp thêm thuế, nói là lấy kinh phí làm cầu. Bà Từ Dũ tự nguyện thay mặt cho dân viết một lá đơn xin quan Tây miễn thuế... Trước đây, dân Huế có lưu hành bài về "Bà Từ Dũ xin thuế cho dân". Nhân đức của bà đã đi vào lòng người là vậy...^[8]

- Và trong bài viết "Hoàng Thái Hậu Từ Dũ: Một tấm gương sáng", đăng trên Trên website tỉnh Tiền Giang:

Tính tình Hoàng Thái hậu Từ Dũ đoan chính, nhàn nhã, cử chỉ khiêm cung lễ độ, ở trong cung ai cũng cảm mến và quý trọng đức độ.

Khi vua Thiệu Trị rảnh việc, đọc sách đến nửa đêm chưa ngủ, Bà vẫn thức hầu không biết mệt.

Mỗi lần vua Tự Đức vào hầu, bà thường khuyên dạy và nhà vua ghi lại những lời nói ấy trong sách "Từ Huấn Lục".

Trong cuộc sống hằng ngày, bà rất tiết kiệm tiêu dùng và nghiêm khắc đối với sự lãng phí, xa hoa.

Bà thẳng thắn phê phán tệ tham ô chức quyền trong triều chính và các địa hạt. Bà nói: "Từ xưa đến nay, quan lại chỉ một chữ tham mà chưa trừ được. Một nước hại dân cũng từ đó mà ra. Làm quan mấy năm vị nào cũng giàu có gấp bội. Của ấy không lấy của dân thì lấy ở đâu? Nên phải quyết trừ."

Bà khuyên triều thần: "Một sợi tơ, một hạt gạo cũng đều là máu mủ của dân, cho nên lãng phí đã không ích gì, mà lại đáng tiếc lắm vậy, chi bằng cất vào kho để dùng vào việc nước". Bà phê phán gắt gao kẻ dựa vào quyền thế gia tộc của bà để cầu vinh, hoặc che chở kẻ phạm pháp. Bà cũng bảo vua Tự Đức rằng: "người trong dòng họ chớ lo việc không được làm quan, phải chuyên cần học hỏi, thi đậu về vang gia tộc; chỉ lo là bất tài mà thôi. Ngoài ra, kẻ làm điều trái phép, Hoàng đế nên triệu về kinh, nghiêm trị để làm gương cho người ta biết".

Song song đó, bà rất trân trọng các quan trung thân, muốn có nhiều người như Võ Trọng Bình thanh liêm, Phạm Phú Thứ thẳng thắn và Nguyễn Tri Phương công trung cần cán không từ việc mệt nhọc. Bà nói: "Nếu được nhiều người như vậy, đặt ra mỗi tỉnh một người thì việc nước, việc dân được bỏ ích rất nhiều, mà vua cũng khỏi lo nhọc ngày đêm, ngặt vì còn có những tham quan bóc lột của dân không chán, mà lại không biết hối cải. Những của bất nghĩa không được tồn tại, được vài đời đã khánh tận, sau con cháu cùng khổ, thiên hạ chê cười, chi bằng làm điều nhân nghĩa, lưu truyền phước trạch lâu dài..."^[9]

Bởi những đức tính tốt đẹp vừa dẫn trên, người ta đã chọn tên bà để đặt tên cho một bệnh viện phụ sản (Bệnh viện Từ Dũ) tại 284, Cống Quỳnh, quận 1, Thành phố HCM. h

Sai tên

Sách Đại Nam Thực lục Chính biên, trong Thực lục về Đức tông Anh hoàng đế^[10] đã ghi rõ: Con thứ hai vua Hiến tổ Nhân Tông hoàng đế... mẹ là Từ Dụ, Bác huệ Khang thọ Thái hoàng Thái hậu....

Trên website Việt Nam gia phả^[11] ghi:

Đúng ra tên hiệu của bà là Từ Dự, theo nghĩa chữ Hán là “nhân từ” và “độ lượng”. Nhưng về sau, không hiểu do một sự lầm lẫn nào đó, người ta viết chữ “Dự” thành “Dũ” và trở thành thói quen không thay đổi...

Trong Sài Gòn vang bóng cũng đã nói rõ sự lầm lẫn này, cuối cùng tác giả đề nghị: Dù sai một dấu, hai chữ khác nhau cả chữ lẫn nghĩa, vì chữ Hán viết “dự” và “dũ” khác nhau. Khi phát âm, có thể sao cũng được, nhưng khi viết chúng ta phải viết cho đúng.^[12]

Chú thích

- (1) Theo *Việt Nam gia phả* và *Sài Gòn vang bóng*, tr. 180.
- (2) Theo *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, tr. 1262
- (3) *Sài Gòn vang bóng* (tr. 181) giải thích: "Lục thượng là 6 công việc hầu hạ vua trong cung, đó là: thượng quan (mã), thượng y (áo), thượng thực (ăn), thượng mộc (tắm), thượng tịch (chiếu), thượng thư (sách)".
- (4) *Gò Công xưa*, tr. 103.
- (5) *Sài Gòn vang bóng*, tr. 179.
- (6) Theo *Việt Nam sử lược*
- (7) *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, tr. 126.
- (8) Theo website Cổ đô Huế
- (9) Theo website Tiền Giang
- (10) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, đệ tứ kỷ, quyển I, tập 27, trang 32, dòng (Nxb KHXH, Hà Nội, 1975)
- (11) Xem website *Việt Nam gia phả*
- (12) *Sài Gòn vang bóng*, tr. 186.

Sách tham khảo

- Nguyễn Q.Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, 1992, tr. 762.
- Trịnh Vân Thanh, *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển*, Nxb Hồn Thiêng, Sài Gòn, tập 2, tr. 1262.
- Huỳnh Minh, *Gò Công xưa*, Nxb Thanh Niên, 2001, tr. 102-110.
- Phan Thứ Lang, *Sài Gòn vang bóng*, Nxb TP. HCM, 2001, tr. 178-186.